TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 407/2024/DS-PT
Ngày: 27-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Bà Phạm Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

Do Bản án sơ thẩm số: 32/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2024/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:141/QĐ-HPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; Địa chỉ: Số A T, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài P – Giám đốc chi nhánh T1;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P: Ông Hà Duy L – Trưởng phòng khách hàng bán lẻ; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị Thanh V, sinh năm 1977; cùng cư trú tại: Số A khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (ông T có mặt, bà V vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đình T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ

án Ngân hàng Thương mại cổ phần N trình bày:

Theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0654/TN1/22NH ngày 09-12-2022, bao gồm dư nợ của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0081/TN1/21NH ngày 04-02-2021 kèm hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-0081/TN1/21NH ngày 09-02-2021 giữa Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T1 (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Đình T, bà Huỳnh Thị Thanh V, số tiền vay là 3.600.000.000 đồng, mức lãi suất 8%, thời hạn cho vay 11 tháng. Ông T, bà V chưa rút vốn vay mới theo hợp đồng cho vay này nhưng vẫn thực hiện nghĩa vụ dư nợ vay của Hợp đồng hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0081/TN1/21NH. Quá trình thực hiện hợp đồng 0081/TN1/21NH như sau:

Ngày giải ngân đầu tiên 04-02-2021 số tiền 4.800.000.000 đồng, đến ngày 06-01-2022, khách hàng đã trả.

Ngày 09-02-2021, khách hàng tiếp tục giải ngân lần 2, số tiền 1.100.000.000 đồng, đến ngày 06-01-2022, khách hàng đã trả.

Ngày 05-01-2022, khách hàng tiếp tục giải ngân lần 3, số tiền 2.250.000.000 đồng, đến ngày 09-12-2022 khách hàng đã trả.

Ngày 06-01-2022, khách hàng giải ngân lần 4, số tiền 2.200.000.000 đồng, đến ngày 09-12-2022, khách hàng đã trả 51.752.593 đồng, đến ngày 01-01-2023 khách hàng đã trả 4.000.000 đồng, đến ngày 06-01-2023, khách hàng đã trả 18.000.000 đồng, đến ngày 26-4-2023, khách hàng đã trả 50.000.000 đồng, đến ngày 19-5-2023 khách hàng đã trả 50.000.100 đồng; dư nợ gốc còn lại theo lần nhận nợ vay này là 2.030.246.403 đồng

Ngày 07-01-2022, khách hàng được giải ngân lần 5, số tiền 1.450.000.000 đồng; dư nợ gốc lần vay này là 1.450.000.000 đồng.

Tổng dư nợ gốc còn lại theo hợp đồng vay này là 3.480.246.403 đồng. Như vậy, tính đến ngày 07-01-2022, ông T, bà V bắt đầu phát sinh nợ quá hạn. Do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông T, bà V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 12-3-2024 là 4.017.791.018 đồng; trong đó nợ gốc là 3.480.246.403 đồng; lãi trong hạn là 360.378.419 đồng; lãi quá hạn là 177.166.196 đồng. Đồng thời, ông T, bà V có nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo hạn mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, để đảm bảo cho khoản vay, ngày 04-02-2021, Ngân hàng và ông T, bà V ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0029/TC-VCBTN1-21 kèm hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-0029/TC-VCBTN1-21 ngày 09-12-2021. Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông T, bà V không trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Vợ chồng ông T, bà V có ký kết hợp đồng tín dụng số 0654/TN1/22NH ngày 09-12-2022, bao gồm dư nợ của hợp đồng cho vay theo hạn mức số

0081/TN1/21NH ngày 04-02-2021. Do tình hình kinh doanh gặp khó khăn, ông cũng đã chủ động bán tài sản để trả nợ nhưng Ngân hàng không đồng ý hợp tác. Hiện ông vẫn đang tìm đối tác chuyển nhượng các tài sản thế chấp để tất toán các khoản nợ với Ngân hàng, đề nghị cho ông có thêm thời gian để chuyển nhượng các tài sản thế chấp, xin giảm các khoản lãi phát sinh trong hạn và quá hạn.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh V là vợ của ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh tỉnh T1

Buộc ông Nguyễn Đình T, bà Huỳnh Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh tỉnh T1 số tiền tính đến ngày 12-3-2024 tổng cộng 4.017.791.018 đồng; trong đó nợ gốc là 3.480.246.403 đồng; lãi trong hạn là 360.378.419 đồng; lãi quá hạn là 177.166.196 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, xử lý tài sản thế chấp, án phí, chí phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/3/2024 ông Nguyễn Đình T kháng cáo, ông T đồng ý trả nợ gốc cho Ngân hàng, không đồng ý trả lãi cho Ngân hàng, lý do nếu thời điểm đó Ngân hàng hợp tác để ông bán tài sản trả nợ thì sẽ không có phát sinh lãi trong hạn và lãi quá hạn nên ông T yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Đình T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đơn đề nghị Ngân hàng cho ông thêm thời gian để bán tài sản trả nợ cho ngân hàng.

- Người đại diện hợp pháp của ngân hàng ông Hà Duy L yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình T là hợp lệ, đúng theo quy định

tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông Nguyễn Đình T, bà Huỳnh Thị Thanh V có nghĩa vụ trả tổng số tiền tính đến ngày 12/3/2024 là 4.017.791.018 đồng; gồm: nợ gốc là 3.480.246.403 đồng; lãi trong hạn là 360.378.419 đồng; lãi quá hạn là 177.166.196 đồng và yêu cầu ông T, bà V có nghĩa vụ phải trả lãi phát sinh theo hạn mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp ông T, bà V không trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp.

Cấp sơ thẩm buộc ông T, bà V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh tỉnh T1 số tiền tính đến ngày 12-3-2024 tổng cộng 4.017.791.018 đồng; trong đó nợ gốc là 3.480.246.403 đồng. Ông T kháng cáo, bà V không kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đình T thấy rằng:

Theo hợp đồng tín dụng giữa các bên và tại phiên tòa sơ thẩm, ông T cũng đã xác nhận đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng đề nghị Ngân hàng cho thời gian để bán tài sản trả nợ Ngân hàng; do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền 4.017.791.018 đồng; trong đó nợ gốc là 3.480.246.403 đồng; lãi trong hạn là 360.378.419 đồng; lãi quá hạn là 177.166.196 đồng là có căn cứ.

Ông T kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý đơn phản tố của ông T:

Xét nội dung của đơn phản tố: Ông T cho rằng đại diện của Ngân hàng đã đồng ý để ông tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng; Ngân hàng cũng đã đồng ý để ông rút GCN QSD đất đối với thửa 354 ra để thực hiện việc chuyển nhượng nhưng hiện nay Ngân hàng lại khởi kiện ông. Đồng thời, Ngân hàng không hợp tác với ông để ông thực hiện việc trả nợ trước hạn nên ông không đồng ý việc kiện của Ngân hàng.

Theo đơn phản tố của ông T thì ông T chỉ trình bày ý kiến mà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn phản tố của ông T thực chất chỉ là trình bày ý kiến, không phải là yêu cầu phản tố theo Điều 200 của BLTTDS là có căn cứ.

Ông T kháng cáo không đồng ý trả lãi trong hạn và lãi quá hạn vì cho rằng nếu Ngân hàng hợp tác để ông bán tài sản trả nợ cho Ngân hàng thì sẽ không phát sinh tiền lãi.

Xét thấy, theo quy định của pháp luật về thế chấp tài sản và sự thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông T thì ông T chỉ được quyền chuyển nhượng QSD đất đã thế chấp nếu được sự đồng ý của Ngân hàng theo khoản 5 Điều 321 BLTTDS. Vì

vậy, việc có đồng ý để ông T chuyển nhượng các phần đất đã thế chấp hay không là quyền của Ngân hàng; thậm chí nếu trước đây Ngân hàng đã từng đồng ý cho ông T chuyển nhượng 01 phần đất đã thế chấp thì cũng không có cơ sở buộc Ngân hàng phải tiếp tục tạo điều kiện cho ông T chuyển nhượng các phần đất còn lại đang thế chấp Ngân hàng. Vì vậy, việc ông T kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của ông, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của ông là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ngân hàng và ông T, bà V ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0029/TC-VCBTN1-21 kèm hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-0029/TC-VCBTN1-21 ngày 09-12-2021, Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C, tài sản thế chấp gồm :

- Quyền sử dụng đất diện tích 19.977,5 m^2 và tài sản gắn liền với đất. GCNQSDĐ số CS02622 ngày 25-01-2021. Đất toạ lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

- Quyền sử dụng đất diện tích 41.333,3 m^2. GCNQSDĐ số CS02647 ngày 05-02-2021. Đất toạ lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

- Quyền sử dụng đất diện tích 27.939 m^2. GCNQSDĐ số CS02622 ngày 25-01-2021. Đất toạ lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông T, bà V thực hiện đúng quy định của pháp luật và vẫn còn hiệu lực cho đến khi ông T, bà V thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

Cấp sơ thẩm xét xử buộc ông T và bà V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

* Về sai sót của Bản án sơ thẩm: Nguyên đơn trong vụ án này là Ngân hàng TMCP N nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N - chi nhánh T1 là không chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông T, bà V phải chịu 3.100.000 đồng. Ngân hàng đã tạm ứng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.100.000 đồng nên ông T, bà V có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.100.000 đồng.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

3. Buộc ông Nguyễn Đình T, bà Huỳnh Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tính đến ngày 12-3-2024 tổng cộng 4.017.791.018 đồng; trong đó nợ gốc là 3.480.246.403 đồng; lãi trong hạn là 360.378.419 đồng; lãi quá hạn là 177.166.196 đồng.

Kể từ ngày 13-3-2024 cho đến khi Thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0654/TN1/22NH ngày 09-12-2022, bao gồm dư nợ của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0081/TN1/21NH ngày 04-02-2021 kèm hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-0081/TN1/21NH ngày 09-02-2021. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T, bà V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông T, bà V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0029/TC-VCBTN1-21 ngày 04-02-2021 kèm hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-0029/TC-VCBTN1-21 ngày 09-12-2021.

4. Án phí sơ thẩm dân sự: Ông Nguyễn Đình T và bà Huỳnh Thị Thanh V phải chịu 112.017.791 (một trăm mười hai triệu không trăm mười bảy nghìn bảy trăm chín mươi mốt) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 53.557.000 đồng theo biên lai thu số 0002442 ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Đình T, bà Huỳnh Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.100.000 (ba triệu một trăm nghìn) đồng.

6. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận

nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

8. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Giàu

Nơi nhận:
- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố TN;
- CCTHADS thành phố TN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.